TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 143/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28-7-2017
V/v Ly hôn giữa chị T và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Minh Phụng**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Dương Hùng Dũng**
2. Ông **Trần Thanh Vũ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Phi Liễu** – *Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên toà: Ông **Lưu Quốc Phú**- *Kiểm sát viên*

Ngày 28 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2017 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2017/QĐXX-ST ngày 27 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1980; Trú tại: Ấp Đ, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ. *(có mặt)*

2. *Bị đơn*: Anh **Đào Hữu T**, sinh năm 1979; Trú tại: Ấp Đ, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ. *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2001, do quen biết, tìm hiểu chị và anh Đào Hữu T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 23/12/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Đông Hiệp, huyện Cờ Đỏ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau này phát sinh mâu thuẩn do anh T thường hay uống rượu và ham mê cờ bạc. Từ đó, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vã nhau nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống ly thân từ tháng 12/2013 đến nay. Nay chị nhận

thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung: Cháu Đào Hữu T, sinh ngày 04/8/2012 và cháu Đào Hữu L, sinh ngày 10/7/2002. Hiện 02 cháu đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu giành quyền nuôi 02 cháu đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung; Nghĩa vụ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh Đào Hữu T vắng mặt.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Đối với bị đơn không chấp tốt theo quy định Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đào Hữu T.

Về con chung: Giao 02 cháu cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung; Nghĩa vụ chung: Tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi các bên có yêu cầu.

Về án phí Hôn nhân gia đình: Chị T phải chịu án phí nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi và yêu cầu của các đương sự thì tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp về con chung, chia tài sản khi ly hôn và nghĩa vụ chung. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn anh Đào Hữu T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của chị T và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định là hôn nhân hợp pháp. Chị T thừa nhận thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng rất hạnh phúc nhưng

thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị cho rằng do anh T thường hay uống rượu và ham mê cờ bạc, từ đó vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vã nhau. Chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột sống ly thân từ tháng 12/2013 cho đến nay. Thời gian sống ly thân vợ chồng không ai quan tâm tới ai. Chị T xin ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng thật sự không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau. Anh Đào Hữu T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng anh, chị đã sống ly thân trong thời gian ly thân dài nhưng không có biện pháp nào để hàn gắn và khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng tiến hành hòa giải để vợ chồng hàn gắn nhưng anh T vắng mặt. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc chị Nguyễn Thị T yêu cầu xin ly hôn với anh Đào Hữu T là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung: Cháu Đào Hữu T, sinh ngày 04/8/2012 và cháu Đào Hữu L, sinh ngày 10/7/2002 Chị T yêu cầu giành quyền 02 nuôi cháu đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Cháu Đào Hữu L và cháu Đào Hữu T hiện chung sống với chị T. Cháu Toàn có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với mẹ. Đối với cháu Luân hiện cháu còn nhỏ rất cần mẹ chăm sóc. Hiện chị T cũng có công việc, thu nhập ổn định, các cháu cũng đang học ở trường gần nhà. Quá trình sống ly thân chị T trực tiếp chăm sóc cho 02 cháu đầy đủ về vật chất lẫn tinh thần nên để đảm bảo việc phát triển bình thường về mặt tâm lý cũng như tiện bề chăm sóc và việc học của các cháu được thuận lợi nên cần thiết giao 02 cháu cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung cho anh T không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, anh T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu có thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh T. Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Tài sản chung; Nghĩa vụ chung: Chị T xác định không có nhưng do xét xử vắng mặt không rõ ý kiến của anh T như thế nào nếu sau này anh T có tranh chấp thì giải quyết thành vụ kiện khác khi các bên có yêu cầu.

[3] Án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[4] Từ những căn cứ trên việc Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện cuả nguyên đơn là có cơ sở, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đào Hữu T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đào Hữu T, sinh ngày 04/8/2012 và cháu Đào Hữu L, sinh ngày 10/7/2002 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung; nợ chung: Tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi các bên có yêu cầu.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu số 000134 ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ. Công nhận chị T đã nộp xong.

5. Án tuyên công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

6. *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
- TATPCT;
- VKS huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục Thi hành án huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Đông Hiệp;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG X ÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Minh Phụng